

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HOÀNG MINH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HOÀNG MINH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG MINH PHAT INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107646928

**3. Ngày thành lập:** 25/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, Số 9, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm phần mềm tin học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5820     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ | 4659     |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa xử lý môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669     |
| 5.  | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật<br>Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật các lĩnh vực công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ với môi trường; công nghệ sinh học; nông nghiệp;                                                                                                                                                                                                                              | 7210     |
| 6.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                    | 8299        |
| 8.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Thiết lập mạng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông;                                                                                                                                        | 6190        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Dịch vụ đăng ký tên miền; Dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông; Cung cấp dịch vụ Internet;                                           | 6209        |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                      | 6311        |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 13. | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe<br>Chi tiết: Sản xuất các thiết bị cơ khí và điện tử, thiết bị điều khiển giao thông và an toàn cho tàu hỏa, tàu điện,                                                                       | 3020        |
| 14. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                  | 2670        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                               | 4210        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 17. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                              | 2610(Chính) |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 19. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                          | 2710        |
| 20. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất các loại thiết bị tín hiệu giao thông                                                                                                                                                 | 2790        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về nông học; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ                                                                                      | 7490        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn; Thiết bị đo lường và điều khiển; Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; | 7730        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                      | 2640        |
| 26. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                    | 3290        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                  | 3313        |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị công nghệ năng lượng và các nguồn năng lượng tái tạo khác                                                                                                         | 3320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công trình công nghiệp năng lượng và viễn thông, công trình đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4220 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652 |
| 31. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy máy tính.<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8559 |
| 32. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>- Giám sát thi công xây dựng lĩnh vực giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; | 7110 |
| 33. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2651 |
| 34. | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2652 |
| 35. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4653 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4290 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG ĐÌNH ĐẠI | Số 3C64, Phường Trại Chuối, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | 031747281                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                        |                   |         |               |        |              |  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | VÕ NGỌC KHÁNH   | Số 41, ngách 180A/3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 042073000048 |  |
|   |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                        |                   |         |               |        |              |  |
| 3 | NGUYỄN ĐỨC BÌNH | số nhà 105D, Khu TT 3 Tầng Lê hồng phong, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 111776048    |  |
|   |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                        |                   |         |               |        |              |  |
| 4 | PHẠM VĂN PHƯƠNG | Thôn Cái Tắt, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 | 036077000749 |  |
|   |                 |                                                                                                        | Tổng số           | 200.000 | 2.000.000.000 | 20,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                        |                   |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 30/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111776048

Ngày cấp: 22/01/2011 Nơi cấp: CATP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *số nhà 105D, Khu TT 3 Tầng Lê hồng phong, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P.2510V1- KĐT Văn Phú Victoria, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội